

Bản án số: 18/2019/DS-ST

Ngày: 14/6/2019

V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀM THUẬN BẮC, TỈNH BÌNH THUẬN

- T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Hôn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Anh Trí

2. Ông Thông Văn Đá

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Truyền - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2019/TLST-DS ngày 09/01/2019, về việc: “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2019/QĐXXST-DS ngày 16/5/2019, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1955. Địa chỉ: Thôn T, thị trấn M, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Xuân T: Bà Nguyễn Thị T (Theo giấy ủy quyền ngày 05/01/2019).

- Bị đơn: Ông Ngô Văn N, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị Mai P, sinh năm 1973. Địa chỉ: Thôn T, thị trấn M, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Văn N: Bà Nguyễn Thị Mai P (Theo giấy ủy quyền ngày 22/01/2019)

Các đương sự có mặt tại phiên tòa: Bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị Mai P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05 tháng 01 năm 2019, cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị T đồng thời là người

đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Xuân T trình bày: Vợ chồng bà và vợ chồng ông N bà P có quen biết hàng xóm với nhau. Do cần vốn làm ăn mua bán thanh long, nên vợ chồng bà P ông N có đặt vấn đề vay tiền của bà để làm ăn nên vợ chồng bà đồng ý. Ngày 28/01/2012, vợ chồng bà P ông N có vay của bà số tiền 150.000.000 đồng và có làm giấy mượn tiền do ông N viết và ký vào giấy mượn tiền. Trong giấy mượn tiền không thể hiện ngày trả nợ nhưng hai bên thỏa thuận miệng thời điểm trả nợ là 01 tháng kể từ ngày vay, nhưng quá thời hạn trên vợ chồng bà P, ông N không trả tiền cho bà, bà đã hỏi nhiều lần nhưng vẫn không trả. Đến ngày 02/12/2015, vợ chồng ông N bà P tiếp tục mượn của vợ chồng bà số tiền 200.000.000 đồng mục đích là để đáo hạn ngân hàng và hứa sau khi đáo hạn sẽ trả toàn bộ số tiền vay 350.000.000 đồng của cả hai lần vay trên thì vợ chồng bà đồng ý và cho vợ chồng ông N bà P vay 200.000.000 đồng, hai bên có làm giấy mượn tiền do ông N và bà P viết và ký tên. Nhưng khi đáo hạn xong tiền ngân hàng thì vợ chồng bà P ông N cố tình không trả tiền cho vợ chồng bà, vợ chồng bà nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông N bà P trả lại số tiền 350.000.000 đồng nhưng vợ chồng ông N bà P vẫn không trả mà hẹn khi nào bán kho thanh long thì trả nhưng khi bán kho thanh long xong thì vẫn không trả số tiền trên cho vợ chồng bà. Trong số hai lần vay trên thì lần vay thứ nhất hai bên có thỏa thuận miệng là lãi xuất 3%/tháng nhưng vợ chồng ông N và bà P trả cho vợ chồng tiền gốc và tiền lãi nào, còn lần thứ hai vay 200.000.000 đồng thì không có lãi. Bà yêu cầu vợ chồng bà P và ông N trả cho vợ chồng bà số tiền 350.000.000 đồng tiền gốc. Ngoài ra không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn Nguyễn Thị Mai P đồng thời là người đại diện hợp pháp của ông Ngô Văn N trình bày: Vợ chồng trước kia mở vừa buôn bán thanh long, do cần tiền làm ăn buôn bán nên có vay tiền nhiều lần của vợ chồng bà T, mỗi lần vay thì điều thỏa thuận miệng khoảng 01 tháng thì sẽ trả. Trong số hai lần vay mà bà T nêu trên là đúng, lần thứ nhất vay số tiền 150.000.000 đồng vào ngày 28/01/2012 do ông N nhận tiền có viết giấy và ký tên, mục đích vay là để mua bán thanh long, tại giấy mượn tiền thì không ghi thời hạn trả nợ nhưng hai bên thỏa thuận miệng là khoảng 01 tháng sẽ trả. Lần thứ hai vay 200.000.000 đồng do bà và ông N nhận tiền có viết giấy nhận tiền và cùng ký tên, lần vay này mục đích là để đáo hạn ngân hàng khoảng mấy ngày thì sẽ trả. Trong hai lần vay trên vợ chồng bà T tính tiền lãi 6.000 đồng/01 triệu/ ngày. Sau khi vay thì vợ chồng bà trả lãi điều đặn nhưng hai bên không làm giấy tờ về việc trả lãi. Đối với khoản vay lần thứ nhất 150.000.000 đồng, do thời điểm đó thường xuyên vay tiền của vợ chồng bà T để mua thanh long, khoảng 01 tháng sau thì trả ngay nên bà không nhớ đã trả số tiền này hay chưa, theo bà thì vợ chồng bà đã trả xong khoản tiền này nhưng hai bên không có làm giấy tờ để chứng minh về việc trả số tiền này. Đối với khoản tiền nay 200.000.000 đồng vào ngày 02/12/2015 thì vợ chồng bà đã trả được cho vợ chồng bà T 100.000.000 đồng tiền gốc, còn lại 100.000.000 đồng chưa trả nhưng hai bên không có làm giấy tờ thể hiện về việc trả số tiền này. Do đó theo yêu cầu khởi kiện của vợ chồng bà T yêu cầu vợ chồng bà trả 350.000.000 đồng bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý trả cho vợ chồng bà T 100.000.000 đồng.

Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, Tòa án đã tổ chức phiên hòa giải để các bên đương sự tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nhưng các bên

đương sự không tự thỏa thuận được và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Ngô Văn N và bà Nguyễn Thị Mai P trả cho vợ chồng ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị T số tiền 350.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Xuân T có đơn khởi kiện đòi nợ với bị đơn bà Nguyễn Thị Mai P và ông Ngô Văn N. Đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn trú tại thôn Tâm Hưng, thị trấn Ma Lâm, huyện Hàm Thuận Bắc, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị T đồng thời là người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Xuân T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Mai P và ông Ngô Văn N phải trả số tiền nợ là 350.000.000 đồng. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Lần thứ nhất ngày 28/01/2012, giữa nguyên đơn và bị đơn lập “giấy mượn tiền”, hai bên thỏa thuận, nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 150.000.000 đồng, hai bên không ghi thời hạn trả nợ trong giấy mượn tiền nhưng thỏa thuận miệng là 01 tháng sẽ trả số tiền trên và thỏa thuận về lãi là 3%/ tháng. Lần thứ hai vào ngày 02/12/2015 nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền 200.000.000 đồng hẹn khi nào bị đơn đáo hạn ngân hàng sẽ trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền trên. Tuy nhiên đến nay bị đơn vẫn chưa trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền của hai lần vay trên kể cả tiền lãi cũng không trả. Bị đơn thừa nhận có việc vay mượn số tiền 350.000.000 đồng trên nhưng đối với khoản vay 150.000.000 đồng bị đơn đã trả xong tiền lãi và tiền gốc, còn khoản vay 200.000.000 đồng thì bị đơn đã trả cho nguyên đơn 100.000.000 đồng. Tổng cộng đã trả được cho nguyên đơn 250.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ nguyên đơn 100.000.000 đồng. Việc bị đơn khai rằng trong quá trình vay mượn đã trả cho nguyên đơn 250.000.000 đồng, hiện nay còn nợ nguyên đơn 100.000.000 đồng, nhưng bị đơn không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho lời khai của mình về việc trả tiền gốc và tiền lãi và cũng không được nguyên đơn thừa nhận. Vì vậy, lời khai nại của bị đơn là không có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận, cần buộc bị đơn phải trả số tiền 350.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Về tiền lãi, do nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: Bị đơn ông Ngô Văn N và bà Nguyễn Thị Mai P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471, Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Xuân T.

Buộc bà Nguyễn Thị Mai P và ông Ngô Văn N phải trả cho bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Xuân T số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mai P và ông Ngô Văn N phải chịu 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.750.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0023398 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-TAND tỉnh Bình Thuận;
-VKSND huyện Hàm Thuận Bắc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Hàm Thuận Bắc;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ.

Hà Văn Hơ